TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2018/HNGĐ-PT
Ngày: 28-9-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Trung.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Huỳnh

Ông Ngô Văn Minh

Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Thu Vân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương: Bà Trần Thị Phước – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 31/2018/TLPT-HNGĐ ngày 05/9/2018 về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

Do Bản án sơ thẩm số: 59/2018/HNGĐ-ST ngày 28/6/2018 của TAND thành phố D, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 24/2018/QĐ-PT ngày, 10/9/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Võ Thanh T, sinh năm 1984. Địa chỉ: Số 2A đường N, tổ M, ấp A, xã B, thành phố C, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1991. Địa chỉ: Số 38/37, tổ A, khu phố B, phường C, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn anh Võ Thanh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/5/2018 (nộp tại Tòa án ngày 16/5/2018) và quá trình giải quyết, anh Võ Thanh T là nguyên đơn trình bày: Anh T và chị Nguyễn Thị T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, thành phố C, tỉnh Tây Ninh ngày 19/7/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2014, anh T, chị T bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị T lười biếng, không chịu dọn dẹp nhà cửa, không chăm sóc chu đáo cho chồng con, không biết phụ giúp

chồng trong công việc buôn bán của gia đình, quản lý tiền bạc không tốt, không biết tôn trọng cha mẹ chồng. Anh T đã nhiều lần nhắc nhở nhưng chị T vẫn không chịu sửa đổi, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, có khi đánh nhau. Cả hai người đã sống ly thân từ ngày 21/3/2018 đến nay. Nay anh T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị T. Khi ly hôn, anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Võ Nguyễn Cát T, sinh ngày 10/7/2013; không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp chị T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung thì anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000đ/tháng. Công việc của anh T là buôn bán tạp hóa, chạy xe, thu hộ tiền điện với thu nhập hàng tháng khoảng 10.000.000đ. Về tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết, chị Nguyễn Thị T là bị đơn trình bày: Chị T thống nhất với phần trình bày của anh T về thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn và về con chung. Trước yêu cầu khởi kiện của anh T thì chị T có ý kiến như sau: Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do anh T thường xuyên đi nhậu về nhà kiếm chuyện gây sự, đánh đập và đuổi chị T đi. Từ ngày 21/3/2018, chị T đã đưa cháu T về nhà cha mẹ ruột tại phường C sinh sống cho đến nay. Hiện nay, chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, khả năng vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ là không có. Do đó, chị T đồng ý ly hôn với anh Võ Thanh T. Về con chung: Chị T yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Võ Nguyễn Cát T, sinh ngày 10/7/2013, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp Tòa án giải quyết cho anh T được nuôi con chung thì chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000đ/tháng. Công việc của chị T là công nhân, thu nhập hàng tháng khoảng 7.000.000đ. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án sơ thẩm số: 59/2018/HNGĐ-ST ngày 28/6/2018 của TAND thành phố D, tỉnh Bình Dương xử: Công nhận sự thỏa thuận của anh Võ Thanh T và chị Nguyễn Thị T như sau: Về quan hệ hôn nhân: Anh Võ Thanh T và chị Nguyễn Thị T thuận tình ly hôn. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Võ Thanh T đối với chị Nguyễn Thị T về việc yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Võ Nguyễn Cát T, sinh ngày 10/7/2013. Giao cháu Võ Nguyễn Cát T, sinh ngày 10/7/2013 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Anh Võ Thanh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu thực hiện kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn, anh Võ Thanh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí sơ thẩm, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/7/2018 anh Võ Thanh T là nguyên đơn có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, nội dung cho rằng: Anh T đủ điều kiện nuôi dưỡng con hơn chị T và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử giao cháu Võ Nguyễn Cát T cho anh T nuôi dưỡng. Tại phiên tòa phúc thẩm anh T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương: Những người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Cháu T là gái, còn nhỏ, hiện tại do chị T nuôi dưỡng phát triển tốt. Bản án sơ thẩm xử giao cháu T cho chị T nuôi dưỡng là có căn cứ, đúng pháp luật. Đề nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của anh T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo bản án sơ thẩm thì phần quan hệ hôn nhân: Anh Võ Thanh T và chị Nguyễn Thị T thuận tình ly hôn. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Các phần này của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định tại khoản 2, Điều 282 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét.

[2] Xét kháng cáo của anh T xin được quyền nuôi dưỡng con chung là cháu Võ Nguyễn Cát T, sinh ngày 10/7/2013. Thấy rằng, anh T làm nghề buôn bán, còn chị T làm công nhân. Cả hai đều có thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, cháu T là gái, còn nhỏ (mới hơn 05 tuổi), hiện tại cháu T do chị T nuôi dưỡng, phát triển tốt về mọi mặt. Để ổn định cuộc sống, tâm lý, sức khỏe của cháu T thì cần có sự trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ (chị T). Tòa án cấp sơ thẩm giao cháu T cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và ghi nhận việc anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi là có xem xét đến điều kiện, hoàn cảnh của các bên, đảm bảo được lợi ích của cháu T, có căn cứ, đúng pháp luật các Điều: 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Do vậy, yêu cầu kháng cáo của anh T là không có cơ sở chấp nhận. Ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp pháp luật. Trường hợp, sau này chị T không làm tròn trách nhiệm nuôi dưỡng con (không đảm bảo được quyền lợi của cháu T) thì anh T có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí sơ thẩm, án phí cấp dưỡng nuôi con và án phí phúc thẩm: Anh T phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều: 81, 82, 83, 84, 85 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ các Điều: 147, 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều: 27, 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Võ Thanh T. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 59/2018/HNGĐ-ST ngày 28/6/2018 của TAND thành phố D, tỉnh Bình Dương về con chung như sau: Chị Nguyễn Thị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng Võ Nguyễn Cát T, sinh ngày 10/7/2013. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Võ Thanh T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Anh T được quyền đi lại thăm nom con, không ai được quyền cản trở, trường hợp lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh T. Vì quyền lợi của con, Tòa án thay đổi người nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2. Các phần khác của Bản án sơ thẩm số: 59/2018/HNGĐ-ST ngày 28/6/2018 của TAND thành phố D, tỉnh Bình Dương về quan hệ hôn nhân và về tài sản chung, nợ chung không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định tại khoản 2 Điều 282 Bộ luật Tố tụng dân sự.

3. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Anh Võ Thanh T phải nộp 300.000 đồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0022062 ngày 23/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh Bình Dương.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Võ Thanh T phải nộp 300.000 đồng.

- Án phí phúc thẩm: Anh Võ Thanh T phải nộp 300.000 đồng, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0022395, ngày 18/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành với mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 28/9/2018)./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS tp. D;
- TAND tp. D;
- UBND xã B, tp. C, tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa DS, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thành Trung